

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 5x/2022/HS-PT

Ngày: 25-x-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ T

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị T, Ông Bùi Đình T

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Ngọc D – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh L – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng x năm 2022, tại phòng xử án hình sự, Tòa án nhân dân tỉnh H đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1x0/2021/TLPT- HS, ngày 08 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1xx/2021/QĐXXPT-HS ngày 18/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/HS – QĐ ngày 15 tháng x năm 2022 đối với các bị cáo có kháng cáo:

1. Phan Xuân V; Sinh ngày: xx/12/1973 tại phường X, thị xã C, tỉnh Y. Nơi cư trú: tổ xx, khu vực x, phường P, thành phố N, tỉnh Đ. Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam. Con ông Phan Xuân U và bà Nguyễn Thị B. Có vợ: Nguyễn Thị H và 03 người con (Lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2017). Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 2102 ngày 20/11/2003 của Tòa án nhân dân Thành phố M xử phạt Phan Xuân V 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. (Bị can đã chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 26/01/2021 tại trại tạm giam Công an tỉnh H, đến ngày 02/3/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Có mặt;

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Xuân V:* Ông Phan Văn C (vắng mặt), ông Lê Minh T (có mặt), Công ty Luật HC, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh H, địa chỉ: Số 09 đường T, thành phố H, tỉnh H, vắng mặt; ông Bùi Văn P, ông Trương Công N, Luật sư công ty Luật TNHH một thành viên L, địa chỉ: Số 65x, H, thành phố N, tỉnh Đ; SĐT: 0961250277, có mặt;

2. Nguyễn Xuân T; Sinh ngày: 15/02/1983 tại xã T, huyện C, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện C, tỉnh H. Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam. Con ông Nguyễn Xuân H và bà Võ Thị L. Có vợ: Lê Thị D và 0x người con (lớn nhất

sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2019). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 20/12/2020 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt

3. Nguyễn Viết P; Sinh ngày: 11/x/1990 tại xã T, huyện C, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn K, xã T, huyện C, H. Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam. Con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị C; Sinh năm 19x2. Có vợ Phạm Thị L và 02 người con (lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2020 đến ngày 08/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Viết P:* Ông Bùi Đình S – Luật sư Văn phòng luật sư S thuộc đoàn luật sư tỉnh Y. Địa chỉ: Số xx T, phường T, thành phố Y, tỉnh Y. Vắng mặt.

*** Các bị cáo không kháng cáo, vắng mặt:**

- **Võ Văn N;** Sinh ngày: 05/3/1982 tại xã L, huyện C, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn H, xã L, huyện C, tỉnh H. Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam. Con ông Võ Văn P và bà Lương Thị B. Có vợ: Nguyễn Thị T và 03 người con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2019). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2020 đến ngày 25/12/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

- **Đặng Văn B;** Sinh ngày: 25/3/1983 tại xã L, huyện C, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn LT, xã L, huyện C, tỉnh H. Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam. Con ông Đặng Văn P và bà Hà Thị X. Có vợ Hà Thị V và 02 người con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012). Tiền án, tiền sự: Không. Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 01/01/2021 đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vắng mặt:

- Anh Bùi Văn D; sinh năm 200x; nghề nghiệp: học sinh; trú tại: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh H. (Người đại diện: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1963 – là bố đẻ).

- Anh Nguyễn Xuân T; sinh năm 1986; nghề nghiệp: sinh viên; trú tại: Thôn TD, xã L, huyện C, tỉnh H.

- Anh Lê Văn Đ; sinh năm 2001; nghề nghiệp: công nhân; trú tại: Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh H.

- Anh Thái Thành Đ; sinh năm 200x; nghề nghiệp: học sinh; trú tại: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh H. (Người đại diện: ông Thái Văn Q, sinh năm 1968, là bố đẻ).

- Anh Lê Sỹ N; sinh năm 200x; nghề nghiệp: học sinh; trú tại: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh H. (Người đại diện: chị Võ Thị X, sinh năm 1970, là mẹ đẻ).

- Anh Lê Sỹ L; sinh năm 200x; nghề nghiệp: học sinh; trú tại: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh H (người đại diện: chị Bùi Thị L, sinh năm 1970, là mẹ đẻ)

- Anh Lê Sỹ V; sinh năm 200x; nghề nghiệp: học sinh; trú tại: Thôn Trường T, xã T, huyện C, tỉnh H.(người đại diện: chị Trần Thị Đ, sinh năm 1966, là mẹ đẻ).

- Anh Lê Thành Đ; sinh năm 2003; nghề nghiệp: học sinh; trú tại: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh H.

- Anh Nguyễn Đình L; sinh năm 1967; nghề nghiệp: làm ruộng; trú tại: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh H.

- Anh Nguyễn Đình H; sinh năm 1963; nghề nghiệp: làm ruộng; trú tại: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh H.

- Anh Nguyễn Đình C; sinh năm 2001; nghề nghiệp: lao động tự do; trú tại: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh H.

- Anh Trần Văn T; sinh năm 1959; nghề nghiệp: làm ruộng; trú tại: Thôn Tây T, xã L, huyện C, tỉnh H.

- Anh Tạ Võ T; sinh năm 1989; nghề nghiệp: lái taxi; trú tại: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh H.

- Anh Nguyễn Văn C; sinh năm 1971; nghề nghiệp: Làm ruộng; trú tại: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh H.

- Chị Trần Kim A; sinh năm 1972; nghề nghiệp: lao động tự do; trú tại: Thôn Kim Châu, xã Thanh An, huyện Cam Lộ, tỉnh T.

- Chị Nguyễn Thanh T; sinh năm 1976; nghề nghiệp: lao động tự do; trú tại: Khu phố 1, phường Đ, TP Đ, tỉnh T

- Chị Nguyễn Thị Ánh H; sinh năm 1986; nghề nghiệp: kinh doanh; trú tại: Khố x, thị trấn N, huyện C, tỉnh H.

- Chị Lê Thị D; sinh năm 1989; nghề nghiệp: lao động tự do; trú tại: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh H.

- Chị Phạm Thị L; sinh năm 1995; nghề nghiệp: lao động tự do; trú tại: Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh H.

- Chị Hà Thị V; sinh năm 1986; nghề nghiệp: làm ruộng; trú tại: Thôn LT, xã L, huyện C, tỉnh H. Có mặt

- Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1988; nghề nghiệp: công nhân; trú tại: Khu phố Văn Thịnh 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ.

- Chị Phan Thị L; sinh năm 1966; nghề nghiệp: làm ruộng; trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh H.

* Điều tra viên: Ông Đặng Tuấn K, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, vắng mặt;

* Ông Nguyễn Thu T (vắng mặt), ông Nguyễn Hoàng S, có mặt – cán bộ cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C;

* Bà Nguyễn Thị Lê N – Kiểm sát viên VKSND huyện C, tỉnh H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 10/2020, Nguyễn Xuân T hỏi Nguyễn Viết P về việc muốn mua pháo về để bán, P đồng ý hỏi giúp cho T. Sau khi về nhà P sử dụng điện thoại Iphone 11 Promax gắn sim: 035x337291 gọi cho Nguyễn Thanh T (là người trước

đây P đã từng mua pháo) đặt vấn đề mua pháo nhưng T nói không có pháo nên đã cho P số điện thoại 0896201859 của Phan Xuân V để P liên hệ mua pháo. Khoảng hai ngày sau P đưa cho T số điện thoại của V và nói T chủ động liên hệ đặt pháo. T sử dụng điện thoại Samsung Galaxy J7 Prime gắn sim số: 097732967x gọi vào số 08962018xx gặp Phan Xuân V hỏi mua pháo, V đồng ý. Sau đó V gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Thu T (tên thường gọi là B) ở thị trấn B, huyện H, tỉnh T hỏi mua pháo thì được T đồng ý và thông báo giá pháo loại x9 quả/01 hộp là 730.000 đồng/01 hộp; Loại 09 quả/01 hộp là 800.000 đồng/ 01 hộp. V thông báo giá pháo trên cho T. T đồng ý mua rồi đặt cho V 37 hộp pháo loại x9 quả và 05 hộp pháo loại 9 quả. V cho T số tài khoản ngân hàng Sacombank số 0x000x9397579 mang tên mình và yêu cầu T phải chuyển khoản trước. Vào ngày xx/11/2020 T mang theo 30.000.000 đồng tiền mặt đi đến quán điện thoại CN ở thị trấn N, huyện C nhờ chị Phan Thị Ánh Hồng chuyển tiền cho V để đặt mua pháo. Chị Hồng đã sử dụng tài khoản của mình số 0201000560878 mở tại ngân hàng Vietcombank chuyển 30 triệu đồng theo yêu cầu của T đến tài khoản 0x000x9397579 của Phan Xuân V. Sau đó T nói lại với P đã đặt được pháo, do trước đó P có đặt mua 30 hộp pháo loại x9 quả và 06 hộp pháo loại 09 quả nên P nhờ T nhận giúp số pháo trên đồng thời đưa cho T số tiền 22.100.000 đồng để trả cho V khi nhận pháo. Sau khi xác nhận tiền đã chuyển vào tài khoản của mình, V liên hệ với T và được T hướng dẫn lên cửa khẩu B sẽ có người liên hệ mang pháo cho. V điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato BKS Lào: NN 81XX lên khu vực cửa khẩu B theo điểm hẹn thì gặp một người phụ nữ lạ mặt giao cho V 0x bao tải xác rắn. V nhận các bao tải này, sờ nắn bên ngoài xác định các hộp vuông biết là pháo và không mở ra kiểm tra. Sau đó, V điện thoại cho T hẹn điểm giao pháo rồi điều khiển xe Ô tô nhãn hiệu Kia Cerato BKS Lào: NN 81XX chở pháo ra thị trấn N, huyện C để giao pháo. Khi gặp nhau thì T điều khiển xe mô tô BKS 38F7- 29xx dẫn đường cho V đi về quán bánh mì nhà T để giao pháo. Sau khi nhận pháo xong, T giao cho V số tiền 22.100.000 đồng của P gửi trước đó, V nhận tiền rồi tiếp tục điều khiển xe ô tô nói trên đi về thành phố Đ, tỉnh T rồi đưa tiền bán pháo cho T và được T trả cho x.000.000 đồng tiền công. Sau khi mua được pháo từ V thì T đưa toàn bộ số pháo trên vào cất giấu trong quán bánh mì của mình rồi thông báo cho P biết. Ngày hôm sau P sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius BKS: 38Z1 - 0297 ra quán của T chở 30 hộp pháo loại x9 quả và 06 hộp pháo loại 09 quả đã đặt trước đó về nhà mình ở thôn K, xã T, huyện C cất giấu nhằm mục đích để bán kiếm lời. Số pháo còn lại gồm 37 hộp pháo loại x9 quả và 05 hộp pháo loại 09 quả, T mang về cất giấu tại nhà riêng ở thôn L, xã T, huyện C rồi bán lại cho một số người khác kiếm lời, cụ thể:

Bán cho Đặng Văn B, sinh năm 1983, trú tại xã L, huyện C 02 lần tổng cộng 05 hộp loại x9 quả với giá 950.000 đồng/01 hộp.

Bán cho Võ Văn N, sinh năm 1982, trú tại thôn H, xã L, huyện C 0x hộp loại x9 với quả giá 800.000 đồng/hộp và 01 hộp loại 09 quả giá 1.000.000 đồng.

Bán cho Nguyễn Xuân T, sinh năm 1986, trú tại xã L, huyện C 02 hộp loại x9 quả với giá 860.000 đồng/1 hộp, 01 hộp loại 09 quả với giá 1.000.000 đồng.

Bán cho Lê Văn Đ, sinh năm 2001, trú tại thôn K, xã T, huyện C 01 hộp loại x9 quả với giá 1.000.000 đồng;

08 hộp pháo loại x9 quả bán nhiều lần cho Bùi Văn D (2003) trú tại thôn L, xã T, huyện C với giá 860.000 đồng/hộp. Sau khi mua pháo của T, Diện đã bán lại cho Thái Thành Đ (200x) trú tại thôn L, xã T 01 hộp loại x9 quả với giá 1.000.000 đồng, bán cho Lê Sỹ N (200x) trú tại thôn T, xã T 02 hộp pháo loại x9 quả với giá 2.000.000 đồng, bán cho Lê Sỹ L (200x) trú tại thôn L, xã T 01 hộp loại x9 quả với giá 1.000.000 đồng; bán cho Bùi Sỹ Thắng (2003) trú tại thôn S, xã T ba lần 03 hộp pháo loại x9 quả với giá 3.000.000 đồng; 01 hộp còn lại Diện giữ lại dùng những bị bố phát hiện vứt đi. Đối với Bùi Sỹ Thắng sau khi mua pháo từ Bùi Văn D đã bán lại cho Nguyễn Đình L (1967) ở thôn S, xã T, huyện C 01 hộp giá 1.200.000 đồng, Nguyễn Đình H (1968) ở thôn S, xã T, huyện C 01 hộp với giá 1.200.000 đồng và bán cho Nguyễn Đình C (2001) ở thôn S, xã T, huyện C 01 hộp với giá 1.100.000 đồng/hộp.

Ngoài ra, T còn Bán cho Trần Văn T (1959) trú tại thôn Tây T, xã L 02 hộp loại x9 quả với giá 850.000 đồng/hộp, 13 hộp loại 09 quả với giá 950.000 đồng/hộp (quá trình điều tra Trần Văn T không thừa nhận việc mua pháo, cơ quan điều tra không thu giữ được).

Đến khoảng giữa tháng 12/2020, T tiếp tục gọi điện cho Phan Xuân V để đặt thêm x2 hộp pháo gồm 31 hộp pháo loại 36 quả/hộp và 11 hộp loại pháo loại 09 quả/hộp, V đồng ý rồi gọi cho T (B) nhưng không liên lạc được. Sau đó thì người phụ nữ giao pháo cho V lần trước của T (B) đã gọi cho V nói là đang có pháo nhưng giá cao hơn, cụ thể: Pháo 36 quả/ 01 hộp giá 800.000 đồng/01 hộp; pháo 09 quả/01 hộp giá 930.000 đồng/ 01 hộp. V thông báo lại với T, T đồng ý mua và thống nhất thanh toán tiền qua tài khoản ngân hàng. Đến ngày 17/12/2020 T đến cửa hàng điện thoại CN ở thị trấn N, huyện C nhờ chị Phan Thị Ánh Hồng chuyển khoản số tiền 35.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Sacombank số 0x000x9397579 của Phan Xuân V. Sau khi nhận được tiền V điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato BKS Lào: NN 81XX lên khu vực cửa khẩu B liên hệ với người phụ nữ lần trước nhận 03 bao tải chứa pháo. Khi nhận hàng V chỉ sờ nắn bên ngoài xác định là pháo, không mở ra kiểm tra bên trong rồi chở ra xã T, huyện C giao pháo cho T. Sau đó V trở về T liên lạc với T (B) và người phụ nữ làm cùng để gửi số tiền 35.000.000 đồng nhưng không liên lạc được. Số tiền đó V để trong tài khoản, đến nay đã tự nguyện giao nộp cơ quan Thi hành án dân sự huyện C để phục vụ công tác điều tra.

Đối với Nguyễn Xuân T sau khi mua được pháo lần 2 từ Phan Xuân V, ngày 18/12/2020 T đã bán cho Tạ Võ T (1988) trú tại thôn L, xã T 10 hộp pháo loại 36 quả với giá 850.000 đồng/hộp (Truyền không thừa nhận việc mua pháo, cơ quan điều tra không thu giữ được). T đã bán 02 lần cho Bùi Văn D ở thôn L, xã T, huyện C (lần thứ nhất 03 hộp pháo loại 36 quả với giá 1.100.000 đồng/hộp, số pháo này Diện bán lại 03 hộp cho 02 người không quen biết với giá 1.300.000 đồng/hộp; Lần thứ hai 02 hộp loại 36 quả với giá 950.000 đồng/hộp, số pháo này Diện bán cho Lê Thành Đ với giá 1.000.000 đồng/hộp). Sau khi mua được pháo, trên đường đưa về nhà thì Lê Thành Đ bị Công an huyện C tuần tra phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Quá trình mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã T hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Xuân T ở thôn L, xã T, huyện C và thu giữ 25 hộp hình khối bên trong có chứa các vật hình trụ tròn nghi là pháo. Những đối tượng mua pháo của T, sau khi nghe tin T bị bắt đã đến Công an huyện đầu thú và giao nộp lại toàn bộ số khối hộp bên trong có chứa các vật hình trụ tròn nghi là pháo, cụ thể: Nguyễn Viết P 36 hộp; Đặng Văn B 05 hộp; Võ Văn N 0x hộp; Lê Sỹ N và Nguyễn Xuân T giao nộp mỗi người 02 hộp; Thái Thành Đ, Lê Sỹ L, Nguyễn Đình L, Nguyễn Đình H, Nguyễn Đình C và Lê Văn Đ mỗi người 01 hộp.

*** Kết quả giám định:**

Tại bản kết luận giám định số 15/GDP-PC09 ngày 22/12/2020 và số 35 ngày 29/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H xác định:

25 (hai mươi lăm) hộp hình khối kích bên trong có các hình trụ tròn liên kết với nhau thu giữ từ Nguyễn Xuân T là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây Tg nổ có tổng khối lượng x7,1 kg.

36 (ba mươi sáu) hộp hình khối bên trong có các hình trụ tròn liên kết với nhau thu giữ từ Nguyễn Viết P là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây Tg nổ có tổng khối lượng 65,25 kg.

05 (năm) hộp hình khối bên trong có các vật hình trụ tròn được bọc liên kết với nhau thu giữ từ Đặng Văn B là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây Tg nổ) có tổng khối lượng là 8,7 kg.

0x (bốn) hộp hình khối bên trong có các hình trụ tròn liên kết với nhau thu giữ từ Võ Văn N là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây Tg nổ có tổng khối lượng 7,83 kg.

02 (hai) hộp hình khối bên trong có các hình trụ tròn liên kết với nhau thu giữ từ Lê Thành Đ là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây Tg nổ có tổng khối lượng 2,9 kg.

02 (hai) hộp hình khối bên trong có các hình trụ tròn liên kết với nhau thu giữ từ Nguyễn Xuân T là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây Tg nổ có tổng khối lượng 3,x kg.

02 (hai) hộp hình khối bên trong có các hình trụ tròn liên kết với nhau thu giữ từ Lê Sỹ N là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây Tg nổ có tổng khối lượng 3,3 kg.

01 (một) hộp hình khối bên trong có các hình trụ tròn liên kết với nhau thu giữ từ Thái Thành Đ là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây Tg nổ có khối lượng 1,7 kg.

01 (một) hộp hình khối bên trong có các hình trụ tròn liên kết với nhau thu giữ từ Lê Sỹ L là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây Tg nổ có khối lượng 1,65 kg.

01 (một) hộp hình khối bên trong có các hình trụ tròn liên kết với nhau thu giữ từ Nguyễn Đình H là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây Tg nổ có khối lượng 1,7 kg.

01 (một) hộp hình khối bên trong có các hình trụ tròn liên kết với nhau thu giữ từ Nguyễn Đình L là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây Tg nổ có khối lượng 1,7 kg.

01 (một) hộp hình khối bên trong có các hình trụ tròn liên kết với nhau thu giữ từ Nguyễn Đình C là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây Tg nổ có khối lượng 1,7 kg.

01 (một) hộp hình khối bên trong có các hình trụ tròn liên kết với nhau thu giữ từ Lê Văn Đ là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây Tg nổ có khối lượng 1,6 kg.

Tổng khối lượng pháo thực tế thu giữ được ở lần thứ nhất từ những người mua của T là 33,28kg là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ. Tổng khối lượng pháo thực tế thu giữ được lần thứ hai từ nơi ở của T x7,1kg và người mua Lê Thành Đ là 2,9 kg đều là pháo có đặc tính của pháo nổ. Tổng khối lượng pháo thực tế thu giữ được tại nơi ở của Nguyễn Viết P là 65,25kg pháo có đặc tính của pháo nổ.

Vật chứng hiện đang thu giữ:

Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an huyện C đã thu giữ từ các bị can và những người mua Pháo từ bị can các đồ vật, tài sản sau:

- Thu giữ từ Nguyễn Xuân T:

11 (mười một) hộp hình khối có kích thước (1x x 1x x 12)cm, bên ngoài có nhiều hoa văn màu sắc, bên trong mỗi khối hộp có 36 hình trụ tròn bọc giấy liên kết với nhau.

10 (mười) hộp hình khối có kích thước (16 x 16 x 25)cm, bên ngoài có nhiều hoa văn màu sắc, bên trong mỗi khối hộp có 09 hình trụ tròn bọc giấy liên kết với nhau.

0x (một) hộp hình khối có kích thước (1x x 1x x12)cm, bên ngoài có nhiều hoa văn màu sắc, bên trong mỗi khối hộp có 36 hình trụ tròn bọc giấy liên kết với nhau và 35 hình trụ tròn liên kết với nhau.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu vàng đồng có gắn sim số 0977.329.67x đã qua sử dụng.

01 xe mô tô nhãn hiệu Wazelet màu nâu, BKS 38F7- 29xx, số máy 6666215x, số khung 003531 đã qua sử dụng.

- *Thu giữ từ Nguyễn Viết P các đồ vật sau:*

06 (Sáu) hộp hình khối kích thước mỗi khối (15 x 15 x 25)cm, trong mỗi khối có 09 vật hình trụ tròn liên kết với nhau; bên ngoài có nhiều hoa văn màu sắc.

18 (mười tám) hộp hình khối kích thước mỗi khối (16,5 x 16,5 x 9,5)cm, trong mỗi khối có x9 vật hình trụ tròn liên kết với nhau; bên ngoài có nhiều hoa văn màu sắc.

12 (mười hai) hộp hình khối kích thước mỗi khối (16,5 x 16,5 x 9,5)cm, trong mỗi khối có x9 vật hình trụ tròn liên kết với nhau; bên ngoài có nhiều hoa văn màu sắc.

01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu trắng đen, BKS 38Z1- 0297, số máy xx1632, số khung xx1629 đã qua sử dụng.

- *Thu giữ từ Võ Văn N các đồ vật sau:*

03 (ba) hộp hình khối kích thước mỗi khối (16,5 x 16,5 x 9,5)cm, trong mỗi khối có x9 vật hình trụ tròn liên kết với nhau;

01 (một) hộp hình khối kích thước mỗi khối (15 x 15 x 25)cm, trong mỗi khối có 09 vật hình trụ tròn liên kết với nhau;

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus màu đen đồng có gắn sim số 0978.01x.907 đã qua sử dụng.

- *Thu giữ từ Đặng Văn B các đồ vật sau:*

05 (năm) khối hộp hình khối có kích thước (16,5 x 16,5 x 9,5) cm, bên trong mỗi khối hộp có x9 vật hình trụ tròn bọc giấy liên kết với nhau, mặt ngoài có dán giấy in nhiều màu sắc và chữ nước ngoài.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F11 pro màu xám đồng có gắn sim số 0978.560.820 đã qua sử dụng.

- *Thu giữ từ Phan Xuân V các đồ vật sau:*

01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, màu đen, biển kiểm soát: NN 81XX; Số máy GxCCH222158; Số khung KNAFUx11AC55975x0 đã qua sử dụng kèm theo 01 giấy đăng ký kiểm định xe.

01 điện thoại di động nhãn hiệu nokia 105, vỏ máy màu xanh có gắn sim số 0896201859; Sim 2 số 096x189199 đã qua sử dụng.

Ngày 13/x/2021, Phan Xuân V đã viết đơn tự nguyện giao nộp số tiền do bán pháo mà có 35 triệu đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- *Thu giữ từ Thái Thành Đ:*

01 (một) khối hộp hình khối kích thước (16,5 x 16,5 x 9,5)cm, bên trong có x9 vật hình trụ tròn liên kết với nhau, bên ngoài có màu sắc sặc sỡ;

- *Thu giữ từ Lê Sỹ N:*

02 (Hai) khối hộp hình khối kích thước mỗi khối (16,5 x 16,5 x 9,5)cm, trong mỗi khối có x9 vật hình trụ tròn liên kết với nhau, bên ngoài có màu sắc sặc sỡ;

- *Thu giữ từ Nguyễn Đình H:*

01 (một) khối hộp hình khối kích thước (16,5 x 16,5 x 9,5)cm, bên trong có x9 vật hình trụ tròn liên kết với nhau, bên ngoài có màu sắc sặc sỡ;

- *Thu giữ từ Nguyễn Đình L:*

01 (một) khối hộp hình khối kích thước (16,5 x 16,5 x 9,5)cm, bên trong có x9 vật hình trụ tròn liên kết với nhau, bên ngoài có màu sắc sặc sỡ;

- *Thu giữ từ Nguyễn Đình C:*

01 (một) khối hộp hình khối kích thước (16,5 x 16,5 x 9,5)cm, bên trong có x9 vật hình trụ tròn liên kết với nhau, bên ngoài có màu sắc sặc sỡ;

- *Thu giữ từ Nguyễn Xuân Sang (bố của Nguyễn Xuân T):*

02 (hai) khối hộp hình khối kích thước mỗi khối hộp (16,5 x 16,5 x 9,5)cm, trong mỗi khối có x9 vật hình trụ tròn liên kết với nhau, bên ngoài có màu sắc sặc sỡ;

- *Thu giữ từ Lê Văn Chiên (bố của Lê Văn Đ):*

01 (một) khối hộp hình khối kích thước (16,5 x 16,5 x 9,5)cm, bên trong có x9 vật hình trụ tròn liên kết với nhau, bên ngoài có màu sắc sặc sỡ;

- *Thu giữ từ Lê Thành Đ các đồ vật sau:*

02 (một) hộp hình khối kích thước mỗi khối (1x x 1x x 12)cm, trong mỗi khối có 36 vật hình trụ tròn liên kết với nhau, bên ngoài có màu sắc sặc sỡ;

- *Thu giữ từ Bùi Văn D:*

Tiền ngân hàng Nhà nước V Nam 2.800.000 đồng gồm nhiều mệnh giá khác nhau.

Với hành vi nêu trên, tại bản án số 39/2011/HS-ST ngày 30-9-2011 của TAND huyện C, tỉnh H Tuyên bố: Các bị cáo Phan Xuân V, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Viết P phạm tội “Buôn bán hàng cấm”. Các bị cáo Đặng Văn B, Võ Văn N phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”.

Áp dụng điểm g khoản 2, khoản x Điều 190; khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt Phan Xuân V 6 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 26/01/2021 đến ngày 02/3/2021. Phạt bổ sung: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng)

Áp dụng điểm g khoản 2, khoản x Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Xuân T 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2020. Phạt bổ sung: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)

Áp dụng điểm g khoản 2, khoản x Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 5x Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Viết P 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 20/12/2020 đến 08/02/2021. Phạt bổ sung: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản x Điều 191; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Đặng Văn B 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 1x (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)

Võ Văn N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)

Giao bị cáo Đặng Văn B và Võ Văn N cho UBND xã L, huyện C, tỉnh H quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự từ hai lần trở lên thì Tòa án có

thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Trong hạn luật định, bị cáo Phan Xuân V kháng cáo kêu oan, tố cáo quá trình điều tra bị bức cung nhục hình, cán bộ điều tra cố tình làm sai lệch hồ sơ vụ án; bị cáo Nguyễn Xuân T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Viết P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKS sau khi nhận xét việc chấp hành quy định của pháp luật tố tụng hình sự của những người tham gia tố tụng, hội đồng xét xử, những người T hành tố tụng đã đề nghị Hội đồng xét xử: Sửa bản án sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Xuân V và Nguyễn Xuân T, chấp nhận nội dung kháng cáo của Nguyễn Viết P, giảm cho bị cáo Nguyễn Viết P 6 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo giáo dục tại địa phương do bị cáo đã ăn năn hối cải, có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Xuân V tại phiên tòa trình bày bị cáo V bị bức cung nhục hình, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án chưa đủ cơ sở kết tội đối với bị cáo Phan Xuân V và trong vụ án này có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, các luật sư của bị cáo V đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm và trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Tại lời nói sau cùng Phan Xuân V đề nghị HĐXX xem xét lại vì bị cáo bị oan, bị cáo Nguyễn Xuân T và Nguyễn Viết P đề nghị HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Viết P và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên. Bị cáo Phan Xuân V và luật sư bào chữa cho rằng bị cáo bị bức cung, dùng nhục hình trong quá trình điều tra và xuất trình USB chứa hai file ghi âm để làm căn cứ. Sau khi nghe nội dung tại các file ghi âm và trên cơ sở lời khai nhận của bị cáo V tại các biên bản hỏi cung, đối chiếu lời khai của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm và các chứng cứ khác có tại hồ sơ không có căn cứ kết luận về việc bị cáo V bị bức cung, dùng nhục hình. Về cơ bản các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Một số vi phạm nhỏ các luật sư của bị cáo Phan Xuân V nêu ra tại phiên tòa phúc thẩm trong quá trình điều tra không làm thay đổi bản chất vụ án

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Viết P hoàn toàn thừa nhận hành vi của mình như cáo trạng đã phản ánh. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Bị cáo Phan Xuân V và các luật sư bào chữa cho bị cáo đều kháng cáo kêu oan, không thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố, bị cáo cho rằng chỉ là người vận chuyển hàng gỗ dăm cho Nguyễn Thị Thu T (B) để lấy tiền công. Bị cáo không biết số hàng giao cho bị cáo T, bị cáo P là pháo nổ. Quá trình điều tra do bị bức cung, nhục hình nên bị cáo mới phải khai nhận hành vi như cáo trạng đã nêu. Tuy nhiên, tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo V đã khai nhận rõ ràng, cụ thể hành vi bán pháo nổ cho bị cáo T, bị cáo P. Bị cáo không mở các bao tải để kiểm tra nhưng biết rõ trong các bao tải chứa pháo, Nguyễn Thị Thu T (B) đã chết, bị cáo V là người trực tiếp bán pháo và nhận tiền từ bị cáo T, bị cáo P; quá trình điều tra bị cáo V thừa nhận là đưa pháo ra bán cho bị cáo P, bị cáo T để hưởng chênh lệch mỗi bánh 50.000đ. Bị cáo P khai nhận là giao dịch mua pháo qua Nguyễn Thanh T nhưng sau đó Nguyễn Thanh T đã cung cấp số điện thoại, số tài khoản của bị cáo V để bị cáo P, bị cáo T trực tiếp liên lạc, giao dịch với bị cáo V. Số tiền mua pháo được bị cáo Nguyễn Xuân T chuyển qua tài khoản của bị cáo Phan Xuân V, V là người trực tiếp chở pháo ra giao cho bị cáo T và Phan Xuân V cũng là người trực tiếp nộp số tiền thu lợi bất chính vào tài khoản của Chi cục thi hành án huyện C. Phan Xuân V và Người bào chữa cho rằng V bị bức cung nhục hình song lời khai của bị cáo là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Các bị cáo Phan Xuân V, Nguyễn Xuân T và Nguyễn Viết P thực hiện hành vi mua bán pháo nổ và tàng trữ pháo nổ trái phép khi đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điều 12 BLHS, không thuộc tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định tại điều 21 BLHS. Hành vi của các bị cáo Phan Xuân V, Nguyễn Xuân T và Nguyễn Viết P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự. Vì vậy, việc truy tố, xét xử các bị cáo về tội danh, điểm, khoản, điều luật nói trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai, không có căn cứ để trả hồ sơ điều tra bổ sung như đề nghị của các luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Xuân V.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, trong đó Phan Xuân V giữ vai trò chính, là người trực tiếp bán pháo cho bị cáo T, bị cáo P; Nguyễn Xuân T, Nguyễn Viết P có vai trò là người thực hành trong hành vi buôn bán hàng cấm.

Hành vi của các bị cáo Phan Xuân V, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Viết P là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh hàng cấm, vi phạm Nghị định của Chính phủ về việc cấm sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển và đốt các loại pháo, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Các bị cáo biết rõ việc mua

bán pháo nổ là hành vi vi phạm pháp luật nhưng do tư lợi cá nhân nên vẫn thực hiện. Bởi vậy cần phải có hình phạt nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Phan Xuân V, Nguyễn Xuân T đã hai lần thực hiện hành vi mua bán pháo nổ, khối lượng pháo nổ mỗi lần mua bán đều đủ mức để truy cứu trách nhiệm hình sự nên phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “*Phạm tội từ hai lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Viết P đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS “*Thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Nguyễn Viết P sau khi sự việc bị phát hiện đã đến công an huyện C đầu thú, có bố để được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba. Bị cáo Nguyễn Xuân T có bố để được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, là thương binh x/x và có x con còn nhỏ hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo Phan Xuân V đang điều trị bệnh, sức khỏe yếu nhiều lần tòa án triệu tập đến phiên tòa không thể tham dự được do đang điều trị bệnh, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Xem xét nhân thân, sức khỏe và hoàn cảnh khó khăn của các bị cáo, HĐXX thấy rằng cần giảm một phần hình phạt cho các bị cáo Phan Xuân V, Nguyễn Xuân T là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Viết P chỉ tham gia mua bán pháo một lần; bị cáo chưa bán lại số pháo đã mua nên mức độ nguy hiểm cho xã hội được hạn chế; quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số pháo; điều đó thể hiện sự thành khẩn, ăn năn hối cải của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Viết P thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, cung cấp thêm tình tiết mới: Tự nguyện nộp 20.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm, Đơn xác nhận của chính quyền địa phương về việc bị cáo đã tích cực tham gia P trào phòng chống covid-19 tại địa phương, ủng hộ 1 thùng khẩu trang và số tiền 5.000.000 đồng vào quỹ phòng chống covid-19 của UBND xã T, huyện C, tỉnh H. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, bị cáo Nguyễn Viết P đã ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình, có nhiều đóng góp trong công cuộc phòng chống dịch bệnh Covid-19 tại địa phương. Do đó, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung xã hội mà giảm cho bị cáo một phần hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo là đủ nghiêm.

[x]. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí HSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Xuân V, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Viết P, sửa bản án sơ thẩm số 39/2021/HS-ST ngày 30-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh H về phần hình phạt.

1.Tuyên bố: Các bị cáo Phan Xuân V, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Viết P phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Áp dụng điểm g khoản 2, khoản x Điều 190; khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt **Phan Xuân V 6 (sáu) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 26/01/2021 đến ngày 02/3/2021. Phạt bổ sung: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng)

Áp dụng điểm g khoản 2, khoản x Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt **Nguyễn Xuân T 5 (năm) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2020. Phạt bổ sung: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)

Áp dụng điểm g khoản 2, khoản x Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 5x, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt **Nguyễn Viết P 3 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm** tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), bị cáo đã nộp tại Biên lai số 0006756 ngày 15/02/2022 tại Chi cục THADS huyện C.

Giao bị cáo Nguyễn Viết P cho UBND xã T, huyện C, tỉnh H quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

2.Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 135; khoản 2 điều 136 BLTTHS. khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1x của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và danh mục án phí kèm theo: Các bị cáo Phan Xuân V, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Viết P không phải chịu án phí HSPT.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh H;
- TA, VKS, THA sơ thẩm;
- Cơ quanĐT CA huyện C;
- Trại Tạm giam CA tỉnh HT;
- Sở tư pháp H;
- Phòng PV 27 CA tỉnh H;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Lệ T

Trình Thị T Bùi Đình T Trương Thị Lê T

